

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **- NĂM BÁO CÁO: 2025 -**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên thành lập : **CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Tên giao dịch : Petec Binh Dinh Joint Stock Company

Mã cổ phiếu : GCB

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000014 do Sở Tài chính tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 20 vào ngày 15 tháng 10 năm 2025 với mã số doanh nghiệp là **4100406219**.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 VNĐ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 40.391.470.000 VNĐ

Địa chỉ trụ sở chính : 389 Trần Hưng Đạo, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai

Điện thoại : 0256.3 822233 - Fax : 0256.3 823863.

Website : www.petecbidico.com.vn

Email : info@petecbidico.com.vn

MỤC LỤC

I. Thông tin chung:	3
1. Quá trình hình thành và phát triển:	3
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	3
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:	4
4. Định hướng phát triển.....	5
5. Các rủi ro: (các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty).....	6
II. Tình hình hoạt động trong năm:	6
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:	12
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:	12
2. Tình hình tài chính:	15
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:.....	16
4. Kế hoạch phát triển trong năm 2025:	16
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:	18
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:	18
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....	19
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	19
V. Quản trị công ty	21
1. Hội đồng quản trị:	21
2. Ban Kiểm soát	27
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát.....	28
VI. Báo cáo tài chính	29
1. Báo cáo của cơ quan kiểm toán.....	29
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	31

I. Thông tin chung:

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty được thành lập vào ngày 14/5/2001 theo quyết định số 35/2001/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bình Định về việc chuyển Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định, với vốn điều lệ là: 7.319.400.000 đồng. Tiền thân của Công ty Cổ phần Petec Bình Định là công ty Thương Nghiệp Tổng Hợp Bình Định. Thực hiện theo Nghị định số 338/CP của Chính Phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, được sự đồng ý của Bộ Thương Mại: Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định được thành lập ngày 21/03/1991 theo Quyết định số 290/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất giữa hai đơn vị là: Công ty Công nghệ phẩm Bình Định và Công ty Vật liệu xây dựng Chất đốt Bình Định dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Sở Thương Mại và Du Lịch Bình Định.

Ngày 08/9/2006, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã nhất trí thống nhất phương án tăng vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 7.319.400.000 đồng lên thành 15.000.000.000 đồng (tức tăng 104,93%), tương đương 1.500.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 (ngày 14/4/2007), đã thông qua và thống nhất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định (viết tắt là BITRACO) thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO), đồng thời, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên thành 30.600.000.000 đồng (tức tăng 104%), tương đương 3.060.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (ngày 18/5/2016), đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu từ 30.600.000.000 đồng lên thành 40.391.470.000 đồng (tức tăng 32%), tương đương 4.039.147 cổ phần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề hoạt động chính yếu:

- Kinh doanh xăng dầu, mỡ phụ, hoá chất, khí đốt, các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Kinh doanh xi-măng, vật liệu xây dựng - trang trí nội thất, phân phối hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, v.v...
- Dịch vụ cho thuê cửa hàng, hợp tác kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng các loại.

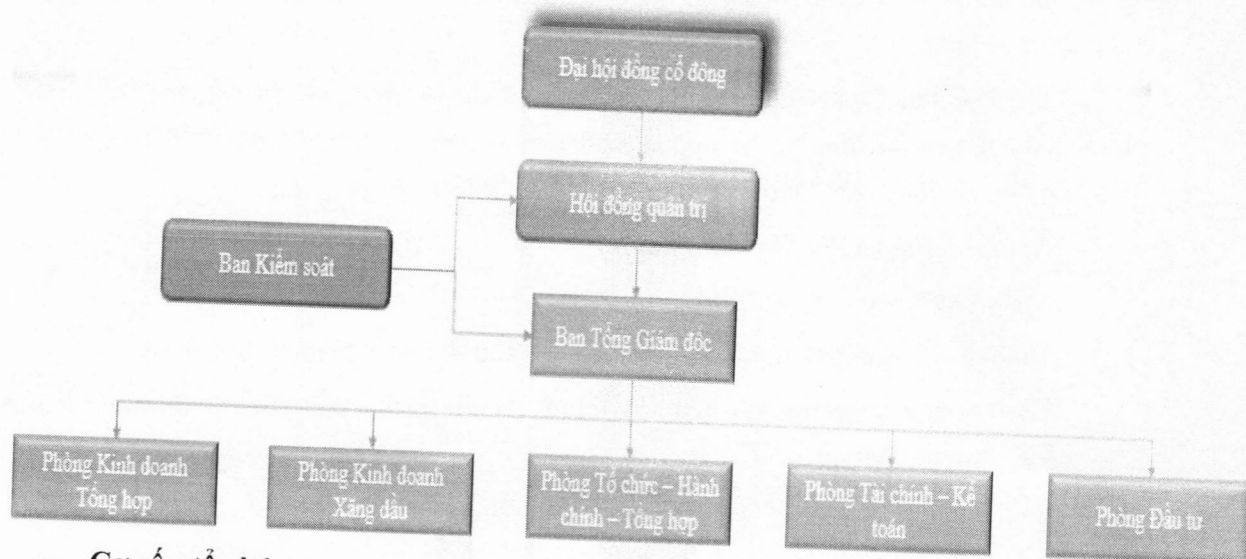
b. Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính trong 02 năm gần nhất:

	Năm 2025	Tỷ lệ chiếm	Năm 2024	Tỷ lệ chiếm
Tổng doanh thu (triệu đồng)	716.246	100%	1.221.001	100%
<u>Trong đó:</u>				
- Kinh doanh xi-măng	96.158	13,43%	133.738	10,95%
- Kinh doanh xăng dầu	256.489	35,81%	310.160	25,45%
- Kinh doanh khác (Tôn /Thép/Thực phẩm/Nông sản...)	359.216	50,15%	771.588	63,19%
- Hợp tác kinh doanh khai thác tài sản, Dịch vụ khác	4.383	0,61%	5.515	0,45%

c. Địa bàn kinh doanh: Thị trường hoạt động: Bình Định, Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị:



- Cơ cấu tổ chức:

Hội đồng Quản trị Công ty:

Được đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra từ 03 (ba) thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị bầu ra 01 (một) Chủ tịch. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch phát triển sản xuất

kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát:

Được Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 (ba) thành viên. Ban Kiểm soát là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc gồm 03 thành viên gồm 01 Phó Tổng Giám đốc Thường trực, 01 Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Đầu tư và 01 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Chủ tịch HĐQT Công ty là người đại diện theo pháp luật, quyền hạn và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 27 và Điều 35 của Điều lệ Công ty. Giúp việc cho Người đại diện theo pháp luật là các Phó Tổng Giám đốc. Người đại diện theo pháp luật Công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định vào thời gian nhất định cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô, ngành nghề và thị trường, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp
- Phòng Đầu tư;
- Phòng Kinh doanh Tổng hợp;
- Phòng Kinh doanh Xăng dầu.

Đứng đầu các bộ phận này là các Trưởng phòng, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong Công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị Chi bộ, Công đoàn hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất: Chưa thành lập.

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phát triển ổn định và phát triển thị trường kinh doanh thông qua chất lượng dịch vụ, tính ổn định trong cung ứng hàng hóa, uy tín chất lượng hàng hóa trong phân phối đến hệ thống khách hàng.
- Nghiên cứu mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh thương mại khác, định hướng khai thác điểm mạnh của khu vực miền Trung - Tây Nguyên như: cảng nước sâu, vùng nguyên liệu sẵn có, liên kết vùng sau sáp nhập các tỉnh,...
- Quản lý chặt chẽ giảm thiểu rủi ro công nợ phải thu. Mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng trên địa bàn để khai thác tối đa nguồn lực huy động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng vốn điều lệ, qua đó tăng năng lực kinh doanh, phạm vi hoạt động.
- Đầu tư, phát triển quỹ đất làm kho chứa xăng dầu không chỉ tại địa phương mà còn tại các tỉnh thành khác trên khắp cả nước.
- Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, xây dựng và nâng cao giá trị thương hiệu "Petec Bidico", trong đó chú trọng:
- Thương hiệu mạnh toàn quốc về Thương nhân phân phối trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu;
- Thương hiệu mạnh Nhà phân phối xi măng tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên; Phát triển các mặt hàng VLXD khác hướng tới cung cấp giải pháp toàn diện cho nhu cầu xây dựng dân dụng.

5. Các rủi ro: (các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty)

Năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận nhiều diễn biến tích cực; Tuy nhiên chỉ trong trong lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư nước ngoài, kinh tế trong nước vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nổi lên như: vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp còn nhiều vướng mắc, nhất là trong các lĩnh vực liên quan đến đất đai, xây dựng, đầu tư công; Tác động tiêu cực từ nhiều hiện tượng thiên tai cực đoan, đặc biệt bão, mưa lớn và lũ lụt; Khó khăn trong hoạt động doanh nghiệp khi môi trường kinh doanh có nhiều thách thức, cụ thể: Thách thức từ chính sách tiền tệ và tài khóa, lo ngại về lãi suất tăng, nợ xấu gia tăng trong lĩnh vực ngân hàng và bất động sản. Sức mua của thị trường phục hồi rất chậm.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm 2025:

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện năm 2025		
		Thực hiện	So với kế hoạch	So với thực hiện 2024

DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	689,066.00	45.27%	57.95%
DOANH THU	Tr.đồng	716,246.00	45.82%	58.66%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	711,863.00	45.74%	58.57%
Xi-măng	Tr.đồng	96,158.00	55.76%	71.90%
- Trong đó: Xi-măng	Tr.đồng	96,158.00	55.76%	71.90%
+ Lượng bán ra (Phúc Sơn, Nghi Sơn, H.Long)	tấn	69,434.59	55.55%	74.66%
Xăng dầu	Tr.đồng	256,489.00	56.25%	82.70%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	120,256.00	56.47%	81.98%
+ Lượng bán ra	1000 lít	7,166.40	54.29%	137.16%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	136,233.00	56.05%	83.34%
+ Lượng bán ra	1000 lít	7,474.30	77.86%	95.91%
KD khác (Tôn / Thép / Thực phẩm / Nông sản / Đồng giá)	Tr.đồng	359,216.00	38.71%	46.56%
DOANH THU D/VỤ, CHO THUÊ MẶT BẰNG	Tr.đồng	4,383.00	64.73%	79.47%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
Tổng doanh thu	Tr.đồng	716,246.00	45.82%	58.66%
Doanh thu thuần	-	714,436.00	45.71%	58.57%
Giá vốn hàng bán	-	692,241.00	45.48%	58.22%
Lợi nhuận gộp	-	22,195.00	53.91%	69.55%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	23,020.00	110.85%	103.41%
Chi phí tài chính	-	22,774.00	91.42%	100.48%
Chi phí bán hàng	-	10,662.00	64.84%	61.78%
Trích lập dự phòng	-			
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	9,036.00	79.95%	76.99%
Thu nhập khác		12,262.00		3368.68%
Lợi nhuận trước thuế	-		159.16%	869.16%



		14,767.00		
Thuế phải nộp	-	5,797.00	202.98%	189.14%
Lợi nhuận sau thuế	-	8,970.00	139.68%	-

Trong đó, các mảng kinh doanh đóng góp cụ thể như sau:

- Xăng dầu:

+ Về kế hoạch SXKD: Sản lượng xăng dầu năm 2025 là 14,64 triệu lít tương đương 67,16% kế hoạch năm;

+ Kế hoạch đặt ra trong năm 2025, hoạt động kinh doanh xăng dầu đạt doanh thu 455,996 tỷ, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt thu 277,205 tỷ, sản lượng tiêu thụ đạt 14,64 triệu lít xăng dầu các loại. So sánh với năm 2024, sản lượng tiêu thụ vẫn giữ được mức tương đương, chủ yếu đến từ nguồn cửa hàng trực thuộc, đại lý và hộ công nghiệp.

+ Công ty đang từng bước bám sát, củng cố tăng trưởng hệ thống cửa hàng, đại lý, hộ công nghiệp lên số lượng 50 đơn vị, phấn đấu đạt mục tiêu 3 triệu lít mỗi tháng; Trong đó vừa triển khai đầu tư thêm cây xăng dầu, vừa phát triển thêm đại lý về hệ thống. Hiện Công ty đã có 05 cửa hàng, 13 đại lý, 20 hộ công nghiệp.

- Mảng kinh doanh Xi-măng:

+ Kế hoạch đặt ra trong năm 2025 của hoạt động kinh doanh xi-măng là 125.000 tấn tương ứng doanh thu 172,454 tỷ đồng, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt 55,76% kế hoạch tương đương sản lượng 69.434 tấn tương ứng doanh thu 96,158 tỷ đồng.

+ Về thị trường: trong năm 2025 Công ty đã thanh lý Hợp đồng với xi măng Nghi Sơn vì do nhiều nguyên nhân, tuy nhiên yếu tố quan trọng nhất là Công ty không tiếp tục bán lỗ để giữ thị trường mà để tập trung nguồn lực tài chính cho sản phẩm hiệu quả hơn là Phúc Sơn.

+ Về công nợ: Giảm công nợ đọng và thanh toán nhanh trong năm 2025; giảm các khách hàng có công nợ cao.

+ Về lợi nhuận: Sản lượng giảm so với năm 2024 nhưng về lợi nhuận đạt hiệu quả hơn so với năm 2024 do trong năm 2025 Công ty đã tinh giản bộ máy quản lý và đội ngũ bán hàng với mục tiêu tiết kiệm chi phí nhưng cơ động linh hoạt và hiệu quả.

- Hoạt động khai thác mặt bằng: Nhìn chung hoạt động khai thác mặt bằng của Công ty năm 2025 tuy chưa hoàn thành kế hoạch do thực tế nhu cầu thị trường thấp do ảnh hưởng bởi nền kinh tế khó khăn, không đạt như kỳ vọng, nhưng cơ bản ổn định. Công ty đã tìm kiếm các đối tác uy tín, hoạt động kinh doanh chuỗi để khai thác dựa trên lợi thế mặt bằng, vì vậy kết quả thu về đạt tốt. Doanh thu năm 2025 mảng này 4,383 tỷ đồng doanh thu, đạt với 64,73% kế hoạch đề ra; bằng 79,47% năm 2024.

- Hoạt động kinh doanh khác gồm: Năm 2025, Công ty đã tận dụng tệp khách hàng có sẵn và các mối quan hệ của Ban lãnh đạo để mở rộng kinh doanh đối với nhóm hàng sắt thép, nông sản nhằm tránh doanh thu chỉ phụ thuộc vào 1 nhóm sản phẩm, giảm rủi ro khi thị trường biến động. Năm 2025 doanh thu hoạt động này đạt 359,216 tỷ đồng.

b. Tổ chức và nhân sự

Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2025 được tổ chức vào ngày 18/4/2025 và Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 23/9/2025 đã bầu tiến hành bầu Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2025 - 2030, HĐQT hiện gồm có các thành viên:

- Ông Ngô Duy Long - Chủ tịch Hội đồng quản trị (HĐQT);
- Bà Ngô Thị Thu Hương - Thành viên HĐQT;
- Ông Đinh Anh Vũ - Thành viên HĐQT độc lập.

Hội đồng quản trị

Thông tin HĐQT Nhiệm kỳ VI (2025 - 2030)

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Ngô Minh Hải	Chủ tịch HĐQT	03/5/2024	18/4/2025
2	Ông Nguyễn Thời Đại	Thành viên HĐQT	08/4/2023	18/4/2025
3	Ông Trần Quý Thăng	Thành viên HĐQT	08/4/2023	18/4/2025
4	Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên HĐQT	03/5/2024	18/4/2025
5	Bà Nhữ Thị Việt Dung	Thành viên HĐQT độc lập	28/6/2022	18/4/2025
6	Ông Ngô Duy Long	Chủ tịch HĐQT	02/10/2025	
7	Bà Ngô Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	18/4/2025	
8	Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	Thành viên HĐQT	18/4/2025	18/7/2025
9	Ông Đinh Anh Vũ	Thành viên HĐQT độc lập	18/4/2025	

Ban Kiểm soát

- Bà Nguyễn Thị Thắm - Trưởng ban - Bổ nhiệm ngày 08/4/2023
Từ nhiệm ngày 18/4/2025
- Bà Nguyễn Thị Mận - Thành viên - Bổ nhiệm ngày 03/5/2024
Từ nhiệm ngày 18/4/2025



- Bà Trần Thị Mỹ Linh Thành viên Bổ nhiệm ngày 03/5/2024
Từ nhiệm ngày 18/4/2025
- Bà Nguyễn Phương Linh Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 18/4/2025
- Bà Nguyễn Huyền Trân Thành viên Bổ nhiệm ngày 18/4/2025
- Ông Nguyễn Hoàng Anh Thành viên Bổ nhiệm ngày 18/4/2025.

Bà Nguyễn Thị Thắm, bà Nguyễn Thị Mận và bà Trần Thị Mỹ Linh hết thời hạn giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty theo nhiệm kỳ 2020 - 2025 và không được bầu lại.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Danh sách Ban Điều hành.

Ông Nguyễn Thời Đại	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/9/2023 Từ nhiệm ngày 01/5/2025
Ông Trần Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Kinh doanh	Bổ nhiệm ngày 01/10/2024 Từ nhiệm ngày 01/7/2025
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính, Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 28/8/2023 Từ nhiệm ngày 01/7/2025
Ông Nguyễn Trường Quang	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư	Bổ nhiệm ngày 03/02/2025 Từ nhiệm ngày 20/3/2026
Bà Phạm Thị Hằng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16/6/2025 Từ nhiệm ngày 27/10/2025
Bà Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc thường trực	Bổ nhiệm ngày 17/10/2025

- **Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm:**

Bổ nhiệm 03 (ba) Phó Tổng Giám đốc, trong đó bao gồm: Phó Tổng Giám đốc phụ trách Đầu tư, Phó Tổng Giám đốc thường trực và Phó Tổng Giám đốc.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tổng số nhân sự toàn Công ty có đến cuối năm tài chính là 52 người. Trong đó cán bộ quản lý 12 người.

c. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

- DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG “TÒA NHÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC PETEC” được UBND Tỉnh Bình Định cấp giấy Chứng nhận đầu tư số: 3360540527, ngày 24 tháng 12 năm 2024.

- Địa điểm xây dựng: Lô đất số 349-351 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Diện tích xây dựng: 523m²

- Quy mô dự án: Tòa nhà gồm 06 tầng nổi và 01 tầng bán hầm.
- Tổng vốn đầu tư: 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỉ đồng chẵn);
- Tiến độ:
 - o Quý IV/2025: Hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng;
 - o Quý IV/2025: Khởi công và xây dựng công trình;
 - o Quý IV/2026: Hoàn thành công trình đi vào sử dụng.

d. **Tình hình tài chính:**

d.1) **Tình hình tài chính:**

(Đvt: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	425.435	474.363	-10,31%
Doanh thu thuần	714.436	1.219.863	-41,43%
Lợi nhuận từ h.động kinh doanh	22.195	30.773	-27,87%
Lợi nhuận khác	12.024	364	3.203%
Lợi nhuận trước thuế	14.767	1.698	769,67%
Lợi nhuận sau thuế	8.970	-1366	100%
Cổ tức	0%	0%	0%

d.2) **Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:**

Các chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,13	1,06
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,12	1,04
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,80	0,84
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,03	5,25
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	121,70	134,71
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,68	2,57
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		

Các chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2024
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,013	-0,001
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,11	-0,018
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,021	-0,003

e. **Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a. **Cổ phần:**

Tổng số cổ phần: 4.039.147 cổ phần, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong đó, cổ phiếu phổ thông chiếm 100% vốn điều lệ.

b. **Cơ cấu cổ đông: (theo danh sách chốt của VSDC đến 04/9/2025)**

Stt	Tên Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	248	4.039.127	40.391.270.000	99,9995%
1	Cá nhân	247	3.843.027	38.430.270.000	95,145%
2	Tổ chức	01	196.100	1.960.000.000	4,855%
II	Cổ đông ngoài nước	01	20	200.000	0,00050%
1	Cá nhân	01	20	200.000	0,00050%
2	Tổ chức	0	0	0	0
	Tổng cộng	220	4.039.147	40.391.470.000	100%

c. **Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:** Không có.

d. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:** Không có.

e. **Các chứng khoán khác:** Không có.

f. **Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

Hoạt động kinh doanh của Công ty thuần về thương mại, không phát sinh sử dụng nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:

+ Thuận lợi:

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành quản lý được HĐQT đặc biệt quan tâm, liên tục thực hiện sát sao, qua đó kịp thời ứng phó với những khó khăn khách quan cũng như trong hỗ trợ hoạt động kinh doanh, tổ chức kiện toàn bộ máy.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể người lao động Công ty phát huy tốt ý thức trách nhiệm, đoàn kết, gắn bó, nỗ lực vượt qua khó khăn, thử thách.

+ Khó khăn:

Năm 2025, kinh tế Việt Nam ghi nhận nhiều diễn biến tích cực; Tuy nhiên chỉ trong trong lĩnh vực xuất khẩu và đầu tư nước ngoài, kinh tế trong nước vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn, nổi lên như: vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp còn nhiều vướng mắc, nhất là trong các lĩnh vực liên quan đến đất đai, xây dựng, đầu tư công; Tác động tiêu cực từ nhiều hiện tượng thiên tai cực đoan, đặc biệt bão, mưa lớn và lũ lụt; Khó khăn trong hoạt động doanh nghiệp khi môi trường kinh doanh có nhiều thách thức, cụ thể: Thách thức từ chính sách tiền tệ và tài khóa, lo ngại về lãi suất tăng, nợ xấu gia tăng trong lĩnh vực ngân hàng và bất động sản. Sức mua của thị trường phục hồi rất chậm.

- **Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu:**

+ Về kế hoạch SXKD: Sản lượng xăng dầu năm 2025 là 14,64 triệu lít tương đương 67,16% kế hoạch năm;

+ Kế hoạch đặt ra trong năm 2025, hoạt động kinh doanh xăng dầu đạt doanh thu 455,996 tỷ, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt thu 277,205 tỷ, sản lượng tiêu thụ đạt 14,64 triệu lít xăng dầu các loại. So sánh với năm 2024, sản lượng tiêu thụ vẫn giữ được mức tương đương, chủ yếu đến từ nguồn cửa hàng trực thuộc, đại lý và hộ công nghiệp.

+ Công ty đang từng bước bám sát, củng cố tăng cường hệ thống cửa hàng, đại lý, hộ công nghiệp lên số lượng 50 đơn vị, phấn đấu đạt mục tiêu 3 triệu lít mỗi tháng; Trong đó vừa triển khai đầu tư thêm cây xăng dầu, vừa phát triển thêm đại lý về hệ thống. Hiện Công ty đã có 05 cửa hàng, 13 đại lý, 20 hộ công nghiệp.

- **Đối với hoạt động kinh doanh xi măng:**

Kế hoạch đặt ra trong năm 2025 của hoạt động kinh doanh xi-măng là 125.000 tấn tương ứng doanh thu 172,454 tỷ đồng, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt 55,76% kế hoạch tương đương sản lượng 69.434 tấn tương ứng doanh thu 96,158 tỷ đồng. Trong năm hoạt động kinh doanh xi-măng gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể:

+ Tình hình kinh tế năm 2025 khá khó khăn, đặc biệt là lĩnh vực bất động sản đóng băng, các mặt hàng kinh doanh thu hẹp, nguồn vốn của các doanh nghiệp giảm do gặp khó khăn về việc thu hồi các khoản nợ.

+ 6 tháng đầu năm giá bán sản phẩm Nghi Sơn tiếp tục giảm sâu, Phúc Sơn giảm dẫn đến doanh thu và lợi nhuận giảm; Trong đó, cạnh tranh giá diễn ra phức tạp nhất là tại Gia Lai, giá bán ngang và có thời điểm thấp giá vốn dẫn đến không có lợi nhuận mảng xi-măng Nghi Sơn.

+ Sản phẩm giá rẻ tập trung nhiều vào khu vực miền Trung - tăng độ cạnh tranh trên thị trường, các nhãn có thương hiệu bắt buộc cạnh tranh theo làm giảm lợi nhuận. Các đại lý lớn trở thành các nhà phân phối - tăng độ cạnh tranh giữa các nhà phân phối.

+ Chi phí trong cơ cấu giá thành còn cao.

+ Đặc thù ngành xi măng là bán hàng phải cho nợ, nếu yêu cầu khách thanh toán ngay thì phải hạ giá sâu dẫn đến lợi nhuận thấp, nếu để nợ thì tồn đọng vốn, rủi ro thu hồi nợ.

- **Dịch vụ khai thác tài sản trên đất:**

Nhìn chung hoạt động khai thác mặt bằng của Công ty năm 2025 tuy chưa hoàn thành kế hoạch do thực tế nhu cầu thị trường thấp do ảnh hưởng bởi nền kinh tế khó khăn, không đạt như kỳ vọng, nhưng cơ bản ổn định. Công ty đã tìm kiếm các đối tác uy tín, hoạt động kinh doanh chuỗi để khai thác dựa trên lợi thế mặt bằng, vì vậy kết quả thu về đạt tốt. Doanh thu năm 2025 mảng này 4,383 tỷ đồng doanh thu, đạt với 64,73% kế hoạch đề ra; bằng 79,47% năm 2024.

- **Kinh doanh thương mại khác:**

Năm 2025, Công ty đã tận dụng tệp khách hàng có sẵn và các mối quan hệ của Ban lãnh đạo để mở rộng kinh doanh đối với nhóm hàng sắt thép, nông sản nhằm tránh doanh thu chỉ phụ thuộc vào 1 nhóm sản phẩm, giảm rủi ro khi thị trường biến động. Năm 2025 doanh thu hoạt động này đạt 359,216 tỷ đồng.

- **Về tình hình đầu tư:**

+ Bất động sản đầu tư:

Các năm trước, Công ty thực hiện đầu tư bất động sản là các quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ Xã Hoàn Sơn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh. Mục đích sử dụng: đầu tư nắm giữ chờ tăng giá.

Tổng giá trị bất động sản đầu tư là: 21.012.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ, không trăm mười hai triệu, năm trăm ngàn đồng chẵn).

Năm 2025, nhận thấy việc tiếp tục nắm giữ những bất động sản này không còn hiệu quả, trong khi lãi vay phát sinh tăng do Ngân hàng tăng lãi suất vì vậy chủ trương của Công ty bán những bất động sản này để thu hồi vốn. Vào thời điểm cuối năm 2025 Công ty đã chuyển nhượng được một bất động sản trong nhóm bất động sản đầu tư hiện có của Công ty. Đầu năm 2026 công ty đã thanh lý được hết số bất động sản này để giảm dư nợ tại các Ngân hàng.

+ Dự án đầu tư xây dựng mới:

- DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG “TÒA NHÀ VĂN PHÒNG LÀM VIỆC PETEC” được UBND Tỉnh Bình Định cấp giấy Chứng nhận đầu tư số: 3360540527, ngày 24 tháng 12 năm 2024.

- Địa điểm xây dựng: Lô đất số 349-351 đường Trần Hưng Đạo, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Diện tích xây dựng: 523m²
- Quy mô dự án: Tòa nhà gồm 06 tầng nổi và 01 tầng bán hầm.
- Tổng vốn đầu tư: 35.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi lăm tỉ đồng chẵn);
- Tiến độ:
 - ✓ Quý IV/2025: Hoàn thành các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng;
 - ✓ Quý IV/2025: Khởi công và xây dựng công trình;
 - ✓ Quý IV/2026: Hoàn thành công trình đi vào sử dụng.

- **Những kết quả công ty đã đạt được**

Có thể nói trong năm qua Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế nhiều biến động, cực kỳ khó khăn do tác động của rất nhiều yếu tố khách quan cả Thế Giới và trong nước, thị trường kinh doanh có sự cạnh tranh quyết liệt, ... Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty vẫn cố gắng duy trì bộ máy, ổn định tổ chức, CBNV Công ty, sự đoàn kết nhất trí, vì sự tồn tại và phát triển của Công ty, đã tạo động lực để Công ty có thể duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, kinh doanh có hiệu quả.

Trong bối cảnh tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, người lao động vẫn được bảo đảm được công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Các dịp lễ tết Công ty đều kịp thời khen thưởng động viên, tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty. Trong năm 2025, người lao động trong Công ty có thu nhập bình quân đạt 9.230.000 đồng/người/tháng.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2025 là 19.809.440.057 đồng. Các tài sản của Công ty đều được khai thác sử dụng có hiệu quả..

Đối với tình hình nợ phải thu:

- Tại thời điểm 31/12/2025, tất cả các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.
- Tổng nợ phải thu đến 31/12/2025 là: 348.888.081.052 đồng, tăng 5,8% so với cùng kỳ năm trước.
- Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2026, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn.

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả người bán đến 31/12/2025: 15.793.767.716 đồng.

Công ty luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gắn trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Về tài chính:

- Trong năm, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục tuân thủ tốt Quy chế quản lý nợ phải thu theo hướng chặt chẽ hơn về chế tài xử lý, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, gia tăng trách nhiệm quản lý, qua đó tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ, có chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp, khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Mặc dù vậy, công tác này vẫn còn hạn chế đặc biệt về chính sách khuyến khích trả tiền ngay và sự kiên quyết trong thu hồi nợ đọng.

- Sử dụng các nguồn lực tài chính có hiệu quả. Định mức kinh tế - kỹ thuật Công ty đã được thực hiện theo đúng quy định của Công ty.

- Đối với vốn luân chuyển, các đơn vị đã tuân thủ theo chỉ số hiệu quả quay vòng vốn trên từng khách hàng, trên từng lô hàng.

Về tổ chức:

- Để đảm bảo yêu cầu phát triển kinh doanh Công ty đã tăng cường hơn nữa công tác tuyển dụng mới, bên cạnh đó, nâng cao vai trò quản lý tại các đơn vị kinh doanh trên cơ sở tăng trách nhiệm đối với từng cá nhân phụ trách. Cơ chế phối kết hợp, tham chiếu giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị kinh doanh nhằm gia tăng tính hiệu quả trong quản lý, đặc biệt về vấn đề quản lý vốn, phục vụ công tác kinh doanh được chú trọng.

- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác của cán bộ quản lý, điều hành; động viên người lao động tin tưởng, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, tạo nền tảng đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Công ty trong thời gian đến.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2026:

Xuất phát từ những rủi ro toàn cầu về căng thẳng địa chính trị, chiến tranh thương mại, cùng những thay đổi căn bản cơ chế vận hành phát triển kinh tế - xã hội tổng thể, vì vậy năm 2026 sẽ tiếp tục là năm nhiều khó khăn cho nền kinh tế và các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Để ổn định và phát triển, năm 2026 Công ty sẽ vẫn tập trung vào các nhóm hàng kinh doanh chính, truyền thống sau:

- Xăng khdầu bán buôn (thương nhân phân phối) và bán lẻ;
- Xi-măng và các sản phẩm vật liệu xây dựng;
- Khai thác hiệu quả hệ thống mặt bằng hiện có.

Trên cơ sở tình hình thực tế thị trường, Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch năm 2026, cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU	Kế hoạch năm 2026	
	Kế hoạch	So với thực hiện 2025
Doanh thu	1.120,3 tỷ đồng	156,41%
Lợi nhuận gộp	54,56 tỷ đồng	245,81%
Lợi nhuận trước thuế	11,56 tỷ đồng	78,27%
Lợi nhuận sau thuế	9,24 tỷ đồng	103,09%

Các chỉ tiêu cụ thể:

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2026	
		Kế hoạch	So với thực hiện 2025
DOANH THU	Tr.đồng	1,120,300	156.41%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	1,113,500	156.42%
Xi-măng	Tr.đồng	113,500	118.03%
- Trong đó: Xi-măng	Tr.đồng	113,500	118.03%
+ Lượng bán ra (Phúc Sơn, Hoàng Sơn, Bim Sơn)	tấn	83,500	120.26%
Xăng dầu	Tr.đồng	900,000	350.89%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	540,000	449.04 %
+ Lượng bán ra	1000 lít	21,600	301.41%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	360,000	264.25%
+ Lượng bán ra	1000 lít	14,400	192.66%
KD khác (Tôn / Thép / Thực phẩm / Nông sản)	Tr.đồng	100,000	27.84%
DOANH THU D/VỤ, CHO THUÊ MẶT BẰNG	Tr.đồng	6,800	155.14%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
Tổng doanh thu	Tr.đồng	1,120,300	156.41%
Doanh thu thuần	Tr.đồng	1,115,819	156.18%
Giá vốn hàng bán	-	1,061,260	153.31%
Lợi nhuận gộp	Tr.đồng	54,559	245.81%

Doanh thu hoạt động tài chính	-	5,000	21.72%
Chi phí tài chính	-	23,000	100.99%
Chi phí bán hàng	-	15,000	140.69%
Trích lập dự phòng	-	10,000	110.67%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-	-
Thu nhập khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11,559	78.27%
Thuế phải nộp	-	2,312	39.88%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	9,247	103.09%

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành Công ty, trong bối cảnh nền kinh tế biến động – phụ thuộc nhiều vào diễn biến chung của Thế giới, cạnh tranh khốc liệt, hai ngành hàng chính của Công ty là xăng dầu và vật liệu xây dựng chịu tác động rất lớn từ các vấn đề khách quan như nhu cầu thị trường giảm sút, giá xăng dầu biến động giảm liên tục, chi phí đầu vào các ngành hàng khác luôn ở mức cao,... Tuy nhiên Công ty đã vượt được khó khăn, đảm bảo an toàn vốn, các ngành hàng chính yếu dần trở lại ổn định - dù còn chậm, đời sống CBNV ổn định, năng suất lao động tăng lên, đội ngũ quản lý dưới sự điều hành của Ban TGD dần đáp ứng yêu cầu phát triển, có sự cố gắng, quyết tâm lớn nhiệm nhằm thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Tình hình kinh doanh của Công ty năm 2026 như đã dự báo sẽ có rất nhiều khó khăn về cạnh tranh, về các yếu tố khách quan như thời tiết, tình hình nhu cầu thị trường; đồng thời chịu tác động tiêu cực từ bối cảnh kinh tế - chính trị toàn cầu. Đặc biệt, căng thẳng giữa Mỹ và Iran đang leo thang nghiêm trọng, chuyển từ đối đầu chiến lược sang xung đột quân sự trực diện với các cuộc không kích quy mô lớn và hoạt động quân sự gia tăng tại khu vực Trung Đông; nguy cơ gián đoạn chuỗi cung ứng toàn cầu, biến động giá năng lượng và bất ổn thị trường ngày càng rõ nét. Bên cạnh đó, tình hình địa chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Vì vậy, tất cả CBNV và Ban Lãnh đạo Công ty phải hết sức cố gắng, nâng cao hiệu quả hoạt động; đồng thời thực hiện các giải pháp đồng bộ để phát triển bền vững các ngành hàng cốt lõi, triển khai thận trọng các ngành hàng mới, chủ động thích ứng với diễn biến của thị trường, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đúng các định hướng kinh doanh năm 2025 của Hội đồng quản trị đề ra.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh: Giám sát việc tổ chức triển khai kế hoạch SXKD năm 2026 sau khi được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua. Thúc đẩy chủ trương phát triển thị trường, khách hàng để ổn định và phát triển các ngành hàng truyền thống- chiến lược, gia tăng sản lượng và hiệu quả kinh doanh; Xem xét triển khai ngành hàng mới, kịp thời nắm bắt cơ hội thị trường; Tối đa hóa hiệu quả kinh doanh trên tài sản hiện có.

Tổ chức giám sát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát đảm bảo vận hành đúng định hướng, mục tiêu đã đặt ra.

Đối với mảng kinh doanh bán buôn xăng dầu:

- Công ty đặt mục tiêu phát triển năm 2026:
 - + Cửa hàng: tăng thêm 2-3 cửa hàng trực thuộc;
 - + Đại lý: tăng 5-10 đại lý (trong đó có 5 đại lý nhượng quyền bán lẻ xăng dầu);
 - + Hộ công nghiệp: tăng thêm 5 – 10 hộ công nghiệp;
- Nghiên cứu đầu tư hệ thống kho dầu cấp nội bộ với sức chứa khoảng 60 m³ dầu Do tại Cửa hàng Chợ Gôm.
 - Đầu tư phương tiện vận tải xăng dầu, để linh hoạt, chủ động trong công tác phục vụ khách hàng, hỗ trợ Cải tiến nâng chất lượng quản lý và khoán ở các cửa hàng xăng dầu trực thuộc của công ty, đảm bảo minh bạch, cụ thể và hiệu quả.
 - Đẩy mạnh phát triển bán thương mại tại thị trường phía bắc và phía nam nhằm tăng doanh thu và lợi nhuận cho công ty.
 - Tìm kiếm và mở rộng nguồn hàng để đảm bảo nguồn cung nhằm tăng lợi thế cạnh tranh đối với các thương nhân phân phối tại khu vực.

Hoạt động kinh doanh xi-măng: Bị tác động mạnh bởi các yếu tố đầu vào do những biến động giá cả của chi phí đầu vào đặt biệt là chi phí nhiên liệu, áp lực cạnh tranh lớn giữa các nhà Phân phối cùng loại sản phẩm trên cùng địa bàn phân phối và những sản phẩm xi măng cùng cấp từ những nhà phân phối khác. Do đó, Ban Tổng Giám đốc cũng đã chủ động triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

- Về thị trường và nhãn hàng:
 - + Về thị trường: tập trung xây dựng hình ảnh và phát triển sản lượng Phúc Sơn đối với các huyện còn lại của Bình Định cũ như Tây Sơn, Vĩnh Thạnh, An Nhơn, Phù Cát, Phù Mỹ; Hoài Nhơn, Hoài Ân, An Lão; đẩy mạnh sản lượng Phúc Sơn khu vực Quy Nhơn, Tuy Phước. Tiếp cận, khôi phục thị trường Kon tum cũ; mở thêm thị trường mới là các huyện đông Gia Lai cũ như: An Khê, Kbang, ĐakPơ; Mangyang, ĐakĐoa.



+ Tiếp tục tiếp cận và thúc đẩy triển khai cung cấp xi măng Phúc Sơn rời cho các Công trình trọng điểm, mục tiêu 2026 là Cao tốc Quy Nhơn – Pleiku.

+ Về nhân hàng: nghiên cứu mở rộng và ký kết làm nhà Phân phối độc quyền hoặc tổng đại lý của một số hãng xi măng khác phù hợp với thị hiếu thị trường nhằm đa dạng hóa mặt hàng.

- Về chi phí: tiếp tục tối ưu chi phí lao động và chi phí khai thác để nâng năng suất phục vụ, quản lý chặt chẽ công nợ, dòng tiền,... nhằm tăng hiệu quả trên đầu tấn bán ra;
- Một số yêu cầu khác:

+ Tăng cường chăm sóc khách hàng, theo hướng trả tiền ngay, tiền trước để có được giá tốt.

+ Xây dựng lại bộ phận thị trường, cùng với việc triển khai kinh doanh xi-măng sẽ phối hợp nghiên cứu mở rộng các ngành nghề liên quan đến ngành hàng VLXD khác.

+ Nâng cao năng lực đội ngũ bán hàng, thiết lập lại hệ thống quản trị bán hàng tại đơn vị.

Đối với công tác phát triển ngành hàng: Quy Nhơn là vị trí chiến lược để phát triển rất nhiều ngành nghề kinh doanh thương mại dựa vào lợi thế Cảng nước sâu phục vụ cho các tỉnh thuộc Miền Trung - Tây nguyên, cùng với lợi thế của thương hiệu Petec Bidico về mức độ tín nhiệm và thương hiệu tốt tại khu vực nên Ban Tổng Giám đốc sẽ nghiên cứu để mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh khác như: nông sản thực phẩm, phân bón, ngành gỗ và chế biến, và các mặt hàng XNK khác.

Đối với mảng khai thác mặt bằng:

- Tiếp tục hợp tác với các đối tác giàu tiềm năng, có thương hiệu để khai thác tối đa những vị trí đất nằm ở trung tâm của công ty để tăng hiệu quả khai thác.

- Tìm kiếm đối tác để khai thác tầng 3 mặt bằng 323 Bạch Đằng và tầng 3,4,5 toà nhà văn phòng Petec 349-351 Trần Hưng Đạo trong thời gian sớm nhất.

Đối với bộ máy tổ chức: Trong năm 2025, thông qua tuyển dụng mới, năng suất lao động của Công ty đã được cải thiện. Tuy nhiên, công tác kiện toàn bộ máy vẫn phải được tiếp tục thực hiện, áp dụng sâu rộng phương án KPI theo từng ngành hàng để kích thích tăng sản lượng và hiệu quả, đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển SX-KD của Công ty trong tình hình mới.

Về quản lý tài chính:

- Thường xuyên rà soát, hoàn thiện, bổ sung các quy chế quản lý kinh doanh như: quy chế quản lý nợ, quy chế bán hàng ... bảo đảm thuận lợi cho phát triển kinh doanh, bảo toàn vốn và theo đúng quy định của pháp luật. Nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, triệt để tiết kiệm chi phí;

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế sử dụng vốn phù hợp nhằm kích thích khu vực thuê khoán bán lẻ xăng dầu, tăng sản lượng bán ra.

- Đối với công tác quản lý nợ phải thu: Tập trung và quyết liệt công tác thu hồi nợ, không để phát sinh thêm nợ xấu,... Nâng tỷ trọng đảm bảo an toàn công nợ bằng bảo lãnh ngân hàng/tài sản đảm bảo;

- Lập kế hoạch, cân đối nhu cầu vốn đầu tư dài hạn và vốn lưu động; xác định nhu cầu vốn hợp lý giữa các ngành hàng để phân bổ nguồn vốn và tìm kiếm nguồn tài trợ với lãi suất tốt nhất;

- Tiếp tục các phương án khai thác và sử dụng tài sản: khai thác 100% các mặt bằng, kho bãi; đối với các mặt bằng/kho bãi đang hợp tác kinh doanh/cho thuê cần đánh giá hiệu quả định kỳ; xem xét phương án đầu tư để nâng cao hiệu quả khai thác; tiếp tục cơ cấu lại các tài sản có hiệu quả khai thác chưa cao hoặc không có phương án sử dụng để thu hồi vốn đầu tư và nâng hiệu suất sử dụng vốn.

Mở rộng kinh doanh thương mại khác:

Quy Nhơn là vị trí chiến lược để phát triển rất nhiều ngành nghề kinh doanh thương mại dựa vào lợi thế Cảng nước sâu phục vụ cho các tỉnh thuộc Miền Trung - Tây nguyên, cùng với lợi thế của thương hiệu Petec Bidico về mức độ tín nhiệm và thương hiệu tốt tại khu vực nên Ban Tổng Giám đốc sẽ nghiên cứu để mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh khác khi điều kiện cho phép.

Tóm lại, Công ty đã rất nỗ lực vượt qua năm 2025 đầy khó khăn, cơ cấu lại toàn bộ hoạt động kinh doanh, tạo lợi nhuận và duy trì ổn định đời sống của CBNV Công ty. Đó là nhờ vào sự quyết liệt của HĐQT, Ban TGD cùng những cố gắng nỗ lực không ngừng của tập thể CBNV Công ty.

Năm 2026 - song hành với những khó khăn hiện nay thì đây cũng là năm mở ra nhiều cơ hội mới. Ban TGD sẽ chú trọng hơn về công tác kiểm soát cũng như dự báo cùng với sự chỉ đạo sâu sát của HĐQT; mục tiêu là phát triển kinh doanh, xây dựng hệ thống bền vững; giữ vững và phát triển nguồn vốn, hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch đề ra.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác).



Stt	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Ngô Minh Hải (miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	Chủ tịch HĐQT	0%	Không
2	Ông Nguyễn Thời Đại (miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	0%	Không
3	Ông Trần Quý Thăng (miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	Thành viên HĐQT	0%	Không
4	Ông Nguyễn Hoàng Anh (miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	Thành viên HĐQT	0%	Không
5	Bà Nhữ Thị Việt Dung (miễn nhiệm ngày 18/4/2025)	Chủ tịch HĐQT	0%	Không
6	Ông Ngô Duy Long (bỏ nhiệm ngày 02/10/2025)	Thành viên HĐQT	0%	Không
7	Bà Nguyễn Thị Bích Trâm (bỏ nhiệm 28/6/2022)	Thành viên HĐQT	0%	Không
8	Bà Ngô Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	12.38%	Không

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có.
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp
Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: từ 01/01/2025 đến 31/12/2025:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Ngô Minh Hải	06	100%	Miễn nhiệm ngày 18/4/2025
2	Ông Nguyễn Thời Đại	06	100%	Miễn nhiệm ngày 18/4/2025
3	Ông Trần Quý Thăng	06	100%	Miễn nhiệm ngày 18/4/2025
4	Ông Nguyễn Hoàng Anh	06	100%	Miễn nhiệm ngày 18/4/2025
5	Bà Nhữ Thị Việt Dung	06	100%	Miễn nhiệm ngày 18/4/2025
6	Ông Ngô Duy Long	14	100%	Bỏ nhiệm ngày 02/10/2025
7	Bà Ngô Thị Thu Hương	41	100%	Bỏ nhiệm ngày 18/4/2025
8	Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	19	100%	Miễn nhiệm ngày 18/7/2025
9	Ông Đinh Anh Vũ	41	100%	Bỏ nhiệm ngày 18/4/2025

Các Nghị quyết/Quyết định trong năm 2025 của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
Nhiệm kỳ V (2020 - 2025)				
1	89/NQ/NK5-HĐQT	03/02/2025	V/v Bỏ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Đầu tư Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
2	90/NQ/NK5-HĐQT	04/3/2025	V/v Chốt danh sách tổ chức đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.	100%
3	91/NQ/NK5-HĐQT	05/3/2025	V/v Thông qua việc thanh lý sà lan An Phú – Cảng Quy Nhơn	100%
4	92/NQ/NK5-HĐQT	20/3/2025	V/v Đầu tư phương tiện xe bồn phục vụ công tác kinh doanh xăng dầu.	100%



Nhiệm kỳ VI (2025 - 2030)				
5	01/NQ/NK6-HĐQT	18/4/2025	V/v Thông qua bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Petec Bình Định nhiệm kỳ 2025 - 2030	100%
6	01.1/NQ/NK6-HĐQT	21/4/2025	V/v Tạm ứng vốn và tổ chức huy động vốn (không phải là tổ chức tín dụng) để phục vụ linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	66.7%
7	02/NQ/NK6-HĐQT	01/5/2025	V/v Miễn nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
8	03/NQ/NK6-HĐQT	01/5/2025	V/v Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
9	04/NQ/NK6-HĐQT	01/5/2025	V/v Miễn nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với bà Nguyễn Thị Bích Trâm	100%
10	05/NQ/NK6-HĐQT	01/5/2025	V/v Bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng đối với ông Nguyễn Văn Thức	100%
11	06/NQ/NK6-HĐQT	01/5/2025	V/v Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Petec Bình Định nhiệm kỳ 2025 - 2030 và giữa những người đại diện theo pháp luật.	100%
12	07/NQ/NK6-HĐQT	09/5/2025	V/v Giao dịch thanh toán, tiền gửi, vay vốn, bảo lãnh, mở LC, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bình Định.	100%
13	08/NQ/NK6-HĐQT	09/6/2025	V/v Phê duyệt ủy quyền cho cá nhân làm việc với Ngân hàng TNHH MTV Việt Nam Hiện đại (MBV) - Chi nhánh Thăng Long.	100%
14	09/NQ/NK6-HĐQT	16/6/2025	V/v Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
15	10/NQ/NK6-HĐQT	17/6/2025	V/v Thông qua giao dịch mua bán xăng dầu và giao dịch vay vốn của Công ty.	100%
16	11/NQ/NK6-HĐQT	30/6/2025	V/v Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng	100%

			Giám đốc Phụ trách Kinh doanh Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	
17	12/NQ/NK6-HĐQT	30/6/2025	V/v Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Tài chính Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
18	13/NQ/NK6-HĐQT	03/7/2025	V/v Chấm dứt hoạt động Chi nhánh CTCP Petec Bình Định – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	100%
19	14/NQ/NK6-HĐQT	18/7/2025	V/v Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là Cửa hàng xăng dầu Phước Lộc	66.7%
20	15/NQ/NK6-HĐQT	23/7/2025	V/v Chốt danh sách cổ đông tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2025	100%
21	16/NQ/NK6-HĐQT	15/8/2025	V/v Chốt danh sách cổ đông để thực hiện quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.	100%
22	18/NQ/NK6-HĐQT	02/10/2025	V/v Chấp thuận đơn xin từ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc - Người đại diện theo pháp luật Công ty Cổ phần Petec Bình Định	100%
23	19/NQ/NK6-HĐQT	02/10/2025	V/v Chấp thuận đơn xin từ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với bà Ngô Thị Thu Hương và bầu chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Ngô Duy Long CTCP Petec Bình Định nhiệm kỳ 2025 - 2030	100%
24	20/NQ/NK6-HĐQT	02/10/2025	V/v Bổ nhiệm chức vụ Người công bố thông tin kiêm Người phụ trách quản trị CTCP Petec Bình Định	100%
25	20.1/NQ/NK6-HĐQT	15/10/2025	V/v Vay vốn tại Agribank – Chi nhánh Bình Định	100%
26	20.2/NQ/NK6-HĐQT	03/10/2025	V/v Kết quả thực hiện nhiệm vụ SX-KD 09 tháng đầu năm 2025 và kế hoạch SX-KD Quý 4/2025 – ước thực hiện cả năm 2025	100%
27	21/NQ/NK6-HĐQT	17/10/2025	V/v Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc thường trực CTCP Petec	100%

			Bình Định	
28	22/NQ/NK6-HĐQT	17/10/2025	V/v Phân công nhiệm vụ giữa các thành viên HĐQT CTCP Petec Bình Định nhiệm kỳ 2025-2030 (giai đoạn từ ngày 17/10/2025)	100%
29	23/NQ/NK6-HĐQT	23/10/2025	V/v Lập địa điểm kinh doanh CTCP Petec Bình Định - Cửa hàng xăng dầu Petec	100%
30	24/NQ/NK6-HĐQT	27/10/2025	V/v Miễn nhiệm chức Phó Tổng Giám đốc CTCP Petec Bình Định	100%
31	25/NQ/NK6-HĐQT	14/11/2025	V/v Miễn nhiệm chức danh Thư ký Công ty đối với ông Lê Quang Huy	100%
32	26/NQ/NK6-HĐQT	14/11/2025	Bổ nhiệm chức danh Thư ký Công ty đối với bà Nguyễn Thị Thìn	100%
33	27/NQ/NK6-HĐQT	17/11/2025	V/v Ông Ngô Duy Long đảm nhiệm vai trò Chuyên viên tư vấn cấp cao tại Công ty	100%
34	27.1/NQ/NK6-HĐQT	17/11/2025	V/v Tạm ứng vốn và tổ chức huy động vốn (không phải là tổ chức tín dụng) để phục vụ linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	100%
35	28/NQ/NK6-HĐQT	20/11/2025	V/v Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là nhà biệt thự tại địa chỉ xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh)	100%
36	28.1/NQ/NK6-HĐQT	02/12/2025	V/v Chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất là nhà biệt thự tại địa chỉ xã Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh (nay là xã Đại Đồng, tỉnh Bắc Ninh)	100%
37	29/NQ/NK6-HĐQT	10/12/2025	V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính năm 2025 của Công ty.	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.

- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban Kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành - Danh sách đến 31/12/2025.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Thắm	Trưởng ban BKS	0%
2	Ông Nguyễn Thị Mận	Thành viên BKS	0%
3	Bà Trần Thị Mỹ Linh	Thành viên BKS	0%
4	Bà Nguyễn Phương Linh	Trưởng BKS	0%
5	Ông Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên BKS	31.54%
6	Bà Nguyễn Huyền Trân	Thành viên BKS	0%

- b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2025 tổ chức ngày 18/4/2025, bà Nguyễn Thị Thắm, bà Nguyễn Thị Mận, bà Trần Thị Mỹ Linh miễn nhiệm do hết thời gian giữ chức vụ theo nhiệm kỳ 2020 - 2025. Tại cuộc họp phiên thứ nhất của Ban Kiểm soát năm 2025, bà Nguyễn Phương Linh được bầu làm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty.

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Nguyễn Thị Thắm	01	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 18/4/2025
2	Bà Nguyễn Thị Mận	01	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 18/4/2025
3	Bà Trần Thị Mỹ Linh	01	100%	100%	Miễn nhiệm ngày 18/4/2025
4	Bà Nguyễn Phương Linh	03	100%	100%	Bổ nhiệm ngày 18/4/2025
5	Ông Nguyễn Hoàng Anh	03	100%	100%	Bổ nhiệm ngày 18/4/2025
6	Bà Nguyễn Huyền Trân	03	100%	100%	Bổ nhiệm ngày 18/4/2025

Nhìn chung hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

Dvt: Đồng

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị			
Ngô Duy Long	Chủ tịch	15.000.000	-
Ngô Minh Hải	Chủ tịch (Đã miễn nhiệm)	109.090.909	180.000.000
Trần Trọng Bình	Chủ tịch (Đã miễn nhiệm)	-	20.000.000
Ngô Thị Thu Hương	Thành viên	34.000.000	-
Đình Anh Vũ	Thành viên độc lập	24.000.000	-
Nguyễn Thời Đại	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	-	-
Trần Quý Thăng	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	16.000.000	48.000.000
Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	32.000.000	32.000.000
Nhữ Thị Việt Dung	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	16.000.000	48.000.000
Phạm Sơn Tùng	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	-	16.000.000
Nguyễn Thị Bích Trâm	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	-	-
Ban kiểm soát			
Nguyễn Phương Linh	Trưởng ban	24.000.000	-
Nguyễn Thị Thắm	Trưởng ban (Đã miễn nhiệm)	16.000.000	48.000.000
Nguyễn Hoàng Anh	Thành viên	-	-
Nguyễn Huyền Trân	Thành viên	8.000.000	-
Nguyễn Thị Mận	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	10.000.000	20.000.000
Trần Thị Mỹ Linh	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	10.000.000	20.000.000
Lê Thanh Phong	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	-	10.000.000
Nguyễn Thị Du	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	-	10.000.000
Ban Điều hành			
Ngô Duy Long	Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	543.190.000	-
Nguyễn Thời Đại	Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	271.600.000	814.980.000
Nguyễn Trường Quang	Phó Tổng Giám đốc	341.000.000	-
Ngô Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	49.565.217	-
Nguyễn Đức Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	311.430.000	243.713.636
Nguyễn Thị Bích Trâm	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng (Đã miễn nhiệm)	287.921.721	543.552.000
Nguyễn Văn Thức	Kế toán trưởng	273.126.299	-
		2.391.924.146	2.054.245.636

a) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc),

Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký Công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên):

Stt	Người thực hiện giao dịch	Chức danh	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ngô Thị Thu Hương	Thành viên HĐQT	0 cổ phiếu	0%	500.000 cổ phiếu	12.38%	Mua
2	Nguyễn Thị Bích Trâm	Thành viên HĐQT	500.000 cổ phiếu	12.38%	0 cổ phiếu	0%	Bán
3	Lê Quang Huy	Thư ký Công ty	2.900 cổ phiếu	0.07%	0 cổ phiếu	0%	Bán

- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên: Không có
- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo của cơ quan kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 31/3/2026 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là "Công ty"), đính kèm từ trang 06 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác

định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Quốc tế

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Tên chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		385,782,367,131	424,401,994,836
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1,591,522,999	49,581,555,007
1. Tiền	111		1,591,522,999	14,181,555,007
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	35,400,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5,711,084,799	23,548,375,873
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá Chứng khoán kinh doanh(*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5,711,084,799	23,548,375,873
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		375,028,276,632	342,434,110,481
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		348,888,071,352	329,525,888,233
2. Trả trước cho người bán	132		21,911,504,006	7,804,516,110
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		6,825,000,911	7,718,005,775
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(2,596,299,637)	(2,614,299,637)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		3,163,792,449	8,211,486,543
1. Hàng tồn kho	141		3,163,792,449	8,211,486,543
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		287,690,252	626,466,932
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		152,309,161	491,085,841
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		135,381,091	135,381,091
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	153		-	-

4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)	200		39,652,329,306	49,960,714,852
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213			-
4. Phải thu về cho vay dài hạn	214			-
5. Phải thu dài hạn khác	215			-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			-
II. Tài sản cố định	220		19,809,440,057	25,363,615,537
1. Tài sản cố định hữu hình	221		18,908,792,057	24,462,967,537
- Nguyên giá	222		46,012,239,680	56,938,285,685
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27,103,447,623)	(32,475,318,148)
1. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			-
1. Tài sản cố định vô hình	227		900,648,000	900,648,000
- Nguyên giá	228		900,648,000	900,648,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			-
III. Bất động sản đầu tư	230		16,400,000,000	21,012,500,000
- Nguyên giá	231		16,400,000,000	21,012,500,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		435,368,686	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		435,368,686	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1,543,436,183	1,774,361,893
1. Đầu tư vào Công ty con	251			-
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252			-
3. Đầu tư khác vào công cụ vốn	253		5,479,064,524	5,479,064,524

4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(3,935,628,341)	(3,704,702,631)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1,464,084,380	1,810,237,422
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1,464,084,380	1,810,237,422
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		425,434,696,437	474,362,709,688
Tên chỉ tiêu				
	Mã số	T.minh	Cuối kỳ	Đầu kỳ
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		340,920,909,833	398,519,300,385
I. Nợ ngắn hạn	310		340,920,909,833	398,519,300,385
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		15,793,767,716	9,316,659,188
2. Người mua trả tiền trước	312		1,276,888,613	302,939,027
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước	313		7,105,446,920	5,306,291,217
4. Phải trả người lao động	314		467,988,729	815,491,680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		920,628,642	2,630,111,224
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		387,272,712	176,521,198
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		4,063,746,574	4,564,537,845
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		310,604,089,037	375,009,568,116
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		301,080,890	397,180,890
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-

4. Phải nội bộ về vốn kinh doanh	334			-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337			-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338			-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			-	-
10. Thuê thu nhập hoãn lại phải trả	340			-	-
11. Dự phòng phải trả dài hạn	341			-	-
12. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	342			-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400			84,513,786,603	75,843,409,303
I. Vốn chủ sở hữu	410			84,513,786,603	75,843,409,303
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411			40,391,470,000	40,391,470,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			40,391,470,000	40,391,470,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			(54,000,000)	(54,000,000)
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			-	-
5. Cổ phiếu Quỹ (*)	415			-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			17,028,679,974	17,028,679,974
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421			27,147,636,629	18,477,259,329
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a			18,177,259,329	19,843,420,938
- LNNT chưa phân phối kỳ này	421b			8,970,377,300	(1,366,161,609)
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422			-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-	-
1. Nguồn kinh phí	431			-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432			-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			425,434,696,437	474,362,709,688

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Đvt: đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
01	02	03	04	05
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	716,245,953,703	1,221,000,558,211
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1,810,302,194	1,137,591,212
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		714,435,651,509	1,219,862,966,999
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	692,240,531,071	1,189,090,377,844
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		22,195,120,438	30,772,589,155
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	23,019,646,813	22,261,010,002
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	22,774,245,847	22,665,551,782
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		22,152,119,137	22,662,951,051
8. Chi phí bán hàng	24		10,661,679,700	17,258,393,314
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,035,697,708	11,736,898,935
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21-22) - (24+25)]	30		2,743,143,996	1,372,755,126
11. Thu nhập khác	31		17,055,732,647	363,957,164
12. Chi phí khác	32		5,031,818,029	38,181,400
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12,023,914,618	325,775,764
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14,767,058,614	1,698,530,890
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5,796,681,314	3,064,692,499
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		8,970,377,300	(1,366,161,609)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)			2,221	(338)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	70			

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025

(Đvt: đồng)

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2025	Năm 2024
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		14,767,058,614	1,698,530,890
2. Điều chỉnh cho các khoản			14,038,041,519	22,622,580,508
- Khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư	2	V.9	2,331,700,003	2,675,642,014
- Các khoản dự phòng	3	V.6	212,925,710	(535,315,703)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		(10,658,703,331)	(2,180,696,854)
- Chi phí lãi vay	6	V.18	22,152,119,137	22,662,951,051
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		28,805,100,133	24,321,111,398
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(32,594,166,151)	(17,256,757,610)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		5,047,694,094	1,230,326,470
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6,254,746,025	387,699,884
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		684,929,721	(701,190,611)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(22,472,088,602)	(23,432,758,409)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3,039,290,284)	(2,216,614,537)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(672,937,127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(17,313,075,064)	(18,341,120,542)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	VII.3	(2,435,648,957)	(26,083,320,000)

2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		16,997,818,415.00	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1,162,708,926)	(10,935,829,573)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII.4	19,000,000,000	7,887,453,700
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	VII.5		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,329,061,603	2,137,689,205
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		33,728,522,135	(26,994,006,668)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.15,21	882,973,541,600	1,306,539,519,495
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.15,21	(947,379,020,679)	(1,258,306,830,451)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(501,600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(64,405,479,079)	48,232,187,444
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(47,990,032,008)	2,897,060,234
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	49,581,555,007	46,684,494,773
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	V.1	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	1,591,522,999	49,581,555,007

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán): đăng tải tại trang điện tử của Công ty "petecbidico.com.vn", mục Quan hệ cổ đông / Báo cáo Tài chính.

Gia Lai, ngày 20 tháng 4 năm 2026
Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



CHỦ TỊCH HĐQT
Ngô Duy Long